

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2020/KDTM-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Triệu Thúy Hà.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Tuấn Anh.
Ông Dương Xuân Đính.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108, Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Thu H, Trưởng phòng bán lẻ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1980;
2. Cháu Nguyễn Văn N, sinh năm 2005 (con bà L, ông L1);
3. Cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh năm 2008 (con bà L, ông L1).

Cùng địa chỉ: Khu 5, Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N và cháu V là bà Nguyễn Thị Minh L và ông Nguyễn Văn L1 (là bố mẹ đẻ).

Có mặt: Đại diện nguyên đơn.

Vắng mặt: Bà L, ông L1, cháu N, cháu V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam trình bày:**

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam (Sau đây gọi là Ngân hàng C) và bà Nguyễn Thị Minh L đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 với nội dung:

- Hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) qua 02 giấy nhận nợ:

+ Giấy nhận nợ ngày 20/3/2019, ngày vay 20/3/2019, ngày đến hạn 20/8/2019; số tiền vay 250.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả 2.088.948 đồng, dư nợ gốc còn lại 247.911.052 đồng.

+ Giấy nhận nợ ngày 21/2/2019: Ngày vay 21/3/2019, ngày đến hạn 21/8/2019, số tiền vay 250.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc, dư nợ gốc còn lại: 250.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán đồ gỗ

- Trả nợ gốc: Theo ngày ghi trên giấy nhận nợ.

- Thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 (Năm) tháng.

- Lãi suất cho vay: Được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 04/10/2018 và các khế ước nhận nợ nêu trên thì ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Minh L đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng 175m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ: khu 5 thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 501997 hiện do ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Minh L là chủ sử dụng (Ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Minh L nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên theo hợp đồng chuyển nhượng số 327/2017/HĐCN do Văn phòng Công chứng Hà Anh lập ngày 08/02/2017). Hợp đồng thế chấp số 2072/2017/HĐTC, quyển số 21/TP/CC-SCC/HDGD ngày 19/7/2017, đăng ký thế chấp ngày 24/7/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Minh L mới trả được 2.088.948 đồng nợ gốc và 18.328.767 đồng nợ lãi. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn. Trong quá trình đôn đốc thu hồi nợ, Ngân hàng C đã nhiều lần làm việc với bà Nguyễn Thị Minh L để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay hạn mức và Hợp đồng thế chấp

đã ký kết. Tuy nhiên bà L chây ì, không trả nợ. Tính đến ngày 29/7/2020 bà Nguyễn Thị Minh L còn nợ Ngân hàng C:

- Nợ gốc: 497.911.052 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 45.223.383 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 22.322.308 đồng.
- Tổng cộng: 565.456.743 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng C yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Minh L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.
- Buộc bà Nguyễn Thị Minh L phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 30/7/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 04/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho ngân hàng.
- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Minh L không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ tiền nợ gốc và lãi còn nợ thì Ngân hàng C có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Minh L đối với Ngân hàng C. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Minh L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng C.

*** Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh L vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày:**

Do có nhu cầu cần vốn kinh doanh buôn bán gốc nên ngày 04/10/2018, bà đã ký kết Hợp đồng tín dụng Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 với Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam để vay số tiền 500.000.000 đồng. Về thời hạn vay, lãi suất và các điều khoản khác được ghi trong hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đúng như người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng đã trình bày.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, ngày 25/3/2017 vợ chồng bà đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 2072/2017/HĐTC, quyền số 21/TP/CC-SCC/HDGD ngày 19/7/2017 với Ngân hàng C Việt Nam - Chi nhánh Đ để thế chấp bộ quyền sử dụng 175m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ: khu 5 thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 501997 hiện do ông bà là chủ sử dụng. Việc thế chấp tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Đ ngày 24/7/2017.

Hiện tại trên thửa đất đó 01 căn nhà 02 tầng có 01 mái tôn, sân gạch do vợ chồng bà xây dựng. Trên tài sản hiện vợ chồng bà và hai con đang ở.

Sau khi vay vốn tại Ngân hàng C, ông bà đã sử dụng đúng số tiền vay trên để kinh doanh đồ gỗ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà mới trả

được 2.088.948 đồng nợ gốc và 18.328.767 đồng nợ lãi. Kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng C đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 khiến công việc kinh doanh đồ gỗ bị đình trệ, hoàn cảnh khó khăn khiến ông bà không đủ khả năng trả nợ.

Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà được trả nợ dần. Cụ thể, giãn cách cho bà 10 tháng thì bà bắt đầu có tiền trả dần nợ gốc, số tiền lãi đề nghị được miễn toàn bộ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án không lấy được lời khai của ông L1.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về tuân thủ pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt tại Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, khiến thời hạn chuẩn bị xét xử bị kéo dài.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích các bên thực hiện hợp đồng là sử dụng tiền mua bán, kinh doanh đồ gỗ nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn cư trú tại địa bàn Khu 5, Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đ, thành phố Hà Nội thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt: Quá trình tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành pháp luật, không có lời khai, không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam là người khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình là nguyên đơn.
- Bà Nguyễn Thị Minh L là người bị nguyên đơn khởi kiện là bị đơn
- Ông Nguyễn Văn L1 - chồng bà L, là người ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của người vay. Ông L1 cùng với bà L ký hợp đồng thế chấp và hiện cùng cháu Nguyễn Văn N, cháu Nguyễn Thị Hà V sống trên tài sản thế chấp nên xác định họ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 04/10/2018 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Đ với bà Nguyễn Thị Minh L.

Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng là hợp pháp.

Nội dung hợp đồng tín dụng nội dung và thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ về nợ gốc và lãi.

Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ ngày 20/3/2019, Giấy nhận nợ ngày 21/3/2019 kèm theo được ký kết giữa các bên trên cơ sở thỏa thuận hợp pháp. Các Giấy nhận nợ này là một phần của Hợp đồng cho vay hạn mức, cụ thể hóa nội dung thỏa thuận, xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối, ép buộc nên xác định Hợp đồng cho vay hạn mức là hợp pháp.

[4] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp:

Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam ủy quyền thường xuyên cho các Chi nhánh ký kết hợp đồng thế chấp với khách hàng cá nhân; bà Nguyễn Thị Minh L, ông Nguyễn Văn L1 có đủ năng lực hành vi dân sự. Do vậy chủ thể ký kết hợp đồng là hợp pháp.

Hình thức của Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp được công chứng, số công chứng: 2072/2017/HĐTC, quyển số 21/TP/CC-SCC/HDGD ngày 19/7/2017 tại trụ sở Văn phòng công chứng Hà Anh và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Đ ngày 24/7/2017 theo đúng quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự nên hợp đồng hợp pháp về hình thức.

Nội dung hợp đồng thế chấp: Các bên thỏa thuận: Bên thế chấp thế chấp thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông L1, bà L để thế chấp đảm bảo, bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của người vay tiền bà L đúng theo thỏa thuận tại Điều 2 Điểm 2.01 tiết a,b,c của hợp đồng thế chấp. Như vậy, thỏa thuận của các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn:

Về yêu cầu tiền nợ gốc: Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 04 tháng 10 năm 2018. Tổng số nợ gốc của Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên tính mọi thời điểm là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng chẵn*); được thể hiện qua 02 “Giấy nhận nợ”:

- Giấy nhận nợ ngày 20/3/2019, ngày vay 20/3/2019, ngày đến hạn 20/8/2019; số tiền vay 250.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả 2.088.948 đồng, dư nợ gốc còn lại 247.911.052 đồng. Ngày vi phạm nghĩa vụ là 21/8/2019.

- Giấy nhận nợ ngày 21/3/2019: Ngày vay 21/3/2019, ngày đến hạn 21/8/2019, số tiền vay 250.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả, dư nợ gốc còn lại: 250.000.000 đồng. Ngày vi phạm nghĩa vụ là 22/8/2019.

Bị đơn là Nguyễn Thị Minh L thừa nhận nghĩa vụ về nợ gốc tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy, đã đến hạn trả nợ gốc, bị đơn không trả, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 497.911.052 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Về yêu cầu tiền nợ lãi:

Bị đơn là Nguyễn Thị Minh L thừa nhận nghĩa vụ về nợ lãi, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ, được chấp nhận.

Cách tính lãi của Nguyên đơn: Lãi trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 9,0%; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng). Áp dụng lãi suất thả nổi. Đến thời điểm 09/8/2019 lãi suất có thay đổi lên 9,5%. Lãi suất thay đổi nhưng phù hợp quy định của pháp luật. Cách tính lãi như trên là không trái quy định của pháp luật, được chấp nhận. Hợp đồng cũng quy định về biên độ lãi suất, thay đổi lãi suất. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng việc thay đổi lãi suất đã được thông báo cho bị đơn biết.

- Số tiền lãi của Giấy nhận nợ ngày 20/3/2019 và Giấy nhận nợ ngày 21/3/2019 tính đến ngày xét xử là: 67.545.691 đồng (Lãi trong hạn: 45.223.383 đồng; Lãi quá hạn: 22.322.308 đồng).

Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Minh L, địa chỉ: Khu 5, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 45, diện tích 175m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa W 501997, số vào sổ 1334.QĐUBND do UBND huyện Đ cấp ngày 15/10/2004 cấp cho Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T; Ngày 21/02/2017, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị Minh L. Tài sản trên đất như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đã mô tả là do ông L1, bà L tạo dựng. Tại Điều 2 Điểm 2.01, Tiết a,b,c của Hợp đồng

thế chấp, ông L1, bà L tự nguyện thế chấp tài sản của chính mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Hiện trạng sử dụng đất không có biến động so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp, đất đai không có tranh chấp, đủ điều kiện thế chấp theo Điều 188 của Luật đất đai 2013.

Bà L khai chỉ thế chấp quyền sử dụng đất, không thế chấp tài sản trên đất là không đúng như trong thỏa thuận ông L1, bà L đã ký kết tại hợp đồng thế chấp với Ngân hàng C. Xác định tài sản thế chấp bị xử lý để thu hồi nợ cho Nguyên đơn là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Về diện tích đất bị xử lý tài sản thế chấp: Diện tích đất thực tế đo đạc được là 186,8m² và diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 175m². Nhận thấy: Có sự chênh lệch về diện tích sử dụng đất, tuy nhiên, đương sự không lấn chiếm đất công hay lấn chiếm đất hộ liền kề, đất đai không có tranh chấp. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp là diện tích đất 175m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, diện tích đất bị xử lý tài sản thế chấp được phạm vi trong đúng giới hạn của diện tích, hình thể thửa đất thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc xử lý tài sản thế chấp tuân theo quy định tại Khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự.

[5] **Về án phí:** Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 298, 299, 317, 318, 325, 320, 463, 466 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam đối với bà Nguyễn Thị Minh L.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số

340/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 04/10/2018 tính đến ngày xét xử (29/7/2020) là:

- Nợ gốc: 497.911.052 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 45.223.383 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 22.322.308 đồng.

Tổng cộng: 565.456.743 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 30/7/2020) bị đơn bà Nguyễn Thị Minh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 340/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 04/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị Minh L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp toàn bộ quyền sử dụng 175m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ: khu 5 thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 501997 hiện do ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Minh L là chủ sử dụng (Ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Minh L nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên theo hợp đồng chuyển nhượng số 327/2017/HĐCN do Văn phòng Công chứng Hà Anh lập ngày 08/02/2017) theo Hợp đồng thế chấp số 2072/2017/HĐTC, quyền số 21/TP/CC-SCC/HDGD ngày 19/7/2017 để thu toàn bộ tiền nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam thì bà Nguyễn Thị Minh L còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết các khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Bà Nguyễn Thị Minh L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 26.618.269 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn hai trăm sáu chín đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam số tiền án phí 12.407.158.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0015382 ngày 17/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Án xử công khai sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Minh L, ông Nguyễn Văn L1, các cháu Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Hà V (do bà L và ông L1 đại diện) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Thúy Hà

